

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 06-6-2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Trâm;
2. Bà Lê Thị Thu Sương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Cao Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2022/TLST-DS ngày 14/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-DS ngày 14/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QDST-DS ngày 12/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị C, sinh năm: 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Mỹ H, sinh năm: 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Chung cư A, phường M, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà có quan hệ quen biết với bà Vũ Thị Mỹ H nên vào năm 2015, bà có nhiều lần cho bà H vay tiền cụ thể như sau:

Lần 1, bà H vay số tiền 40.000.000 đồng, giữa Bà và bà H có viết giấy vay tiền;

Lần 2, bà H vay số tiền 16.000.000 đồng, giữa Bà và bà H không viết giấy vay tiền;

Lần 3, bà H vay số tiền 40.000.000 đồng, bà H có viết cho bà hợp đồng mua bán nhà ngày 06/8/2015 để xác nhận số nợ vay.

Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ cụ thể bà H vay tiền vào ngày nào. Sau khi vay tiền, bà H bỏ đi khỏi địa phương nên bà không thể gặp bà H để đòi tiền vay được. Khoảng cuối năm 2018, bà có đưa giấy vay tiền lần 1 (số tiền 40.000.000 đồng) cho ông Nguyễn Duy T và nói ông Tuấn gặp bà H lấy được bao nhiêu thì cho ông T. Sau đó, ông T đưa lại giấy này cho ông Lê Hùng P đến gặp bà H lấy tiền. Ông P đến nhà bà H và bà H có đưa cho ông P 20.000.000 đồng nên ông P đã xé bỏ giấy vay tiền này.

Như vậy, bà H hiện còn nợ lại bà số tiền vay:

Lần 1: Ông P đã lấy 20.000.000 đồng nên bà H còn nợ lại 20.000.000 đồng.

Lần 2: 16.000.000 đồng;

Lần 3: 40.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 76.000.000 đồng.

Tuy nhiên, do giấy vay tiền lần 1, ông Lê Hùng P đã xé bỏ và lần vay tiền lần 2 giữa bà và bà H không làm giấy vay nợ nên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Cụ thể: Bà rút lại yêu cầu trả nợ tiền gốc 26.000.000 đồng và rút lại yêu cầu trả lãi số tiền 50.000.000 đồng. Bà chỉ yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc đã vay lần 3 là 40.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán nhà ngày 06/8/2015 mà bà H đã viết cho bà và không yêu cầu bà H trả lãi đối với số tiền này.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà H đã đồng ý trả cho bà số tiền nợ 40.000.000 đồng nhưng theo phương thức thanh toán trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng; Do không thống nhất được phương thức trả nợ nên bà H tự bỏ về không tiếp tục hòa giải nên hai bên chưa thống nhất được nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà đề nghị tòa án giải quyết buộc bà H phải thanh toán cho bà số tiền nợ trong lần vay tiền thứ 3 là 40.000.000 đồng. Bà xin rút lại yêu cầu trả nợ gốc trong hai lần vay nợ đầu và toàn bộ tiền lãi như đã nêu trên.

Bà không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác tham gia phiên tòa.

Tại bản tường trình ý kiến ngày 21/10/2022, Đơn phản tố ngày 03/01/2023 bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H trình bày:

Bà không có bất kỳ một hợp đồng dân sự nào mượn tiền với số tiền và lãi suất như bà C trình bày. Hợp đồng mua bán nhà (bản chính) chưa thu hồi lại vì

hợp đồng này không có chính quyền địa phương xác nhận, không có hợp đồng nhận tiền đặt trước trả sau. Trong hợp đồng chỉ có 02 người ký, cho nên không có giá trị pháp lý, bà không có thu hồi hợp đồng.

Bà chỉ có hợp đồng một lần mượn tiền của bà C với số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng. Số tiền này bà C đã ủy quyền cho ông Lê Hùng P đến lấy và bà đã trực tiếp đưa cho ông P (Ông P nói chỉ lấy số tiền là 20.000.000 đồng và xé giấy vay nợ) và ông này đã hủy giấy mượn tiền gốc trước mặt bà.

Trong hợp đồng mua bán nhà, khi nào bà không trả được cho bà C 40.000.000 đồng thì hợp đồng giao dịch bán nhà trên mới được thực hiện. Nay bà đã trả đủ số tiền nêu trên thì hợp đồng không còn giá trị pháp lý nên bà không thu hồi hợp đồng mua bán nhà.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/3/2023, bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H trình bày:

Đơn phản tố đề ngày 03/01/2023 bà nộp cho Tòa án là ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phải yêu cầu phản tố của bà trong vụ án này. Bà không đề nghị Tòa án triệu tập thêm ai tham gia tố tụng trong vụ án, bà không còn nợ tiền bà C nhưng nếu bà C có yêu cầu thì bà đồng ý trả số tiền nợ 40.000.000 đồng cho bà C nhưng sẽ trả theo hàng tháng, mỗi tháng bà sẽ trả cho bà C 1.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải lần 2 ngày 06/4/2023, bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H trực tiếp nhận Thông báo về phiên hòa giải và tự ghi vào biên bản giao nhận nội dung “*Nếu lên ký giấy chấp nhận trả 1 tháng 1 triệu Chị lên...*”. Nhưng bà H vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn có đến Tòa nộp Bản tường trình ý kiến, Đơn phản tố và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bỏ ra về và không ký biên bản. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, bà Vũ Thị C yêu cầu bà Vũ Thị Mỹ H trả số tiền nợ gốc theo 03 lần vay là 66.000.000 đồng và nợ lãi là 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 116.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải và tại phiên Tòa, bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 26.000.000 đồng (chỉ yêu cầu trả số tiền gốc 40.000.000 đồng) và rút toàn bộ yêu cầu trả tiền nợ lãi là 50.000.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi như đã nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Vũ Thị C yêu cầu bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H trả số tiền 40.000.000 đồng. Bà C trình bày có cho bà H vay nợ 03 lần, trong lần cho vay thứ ba, bà H vay số tiền 40.000.000 đồng và có viết cho bà Hợp đồng mua bán nhà ngày 06/8/2015. Bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H xác nhận có vay tiền của bà C nhưng chỉ vay 01 lần và có viết giấy vay nợ, bà H có viết hợp đồng mua bán nhà ngày 06/8/2015 đưa cho bà C giữ là để đảm bảo cho khoản vay 40.000.000 đồng này giữa bà và bà C. Do khoản vay này bà H đã trả xong nên hợp đồng mua bán nhà không còn giá trị pháp lý, bà không thu hồi.

Xét thấy, bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn và có viết cho nguyên đơn hợp đồng mua bán nhà nhưng giữa hai bên không thống nhất số lần vay tiền. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H có ý kiến:... nếu bà C yêu cầu thì bà đồng ý trả tiền cho bà C với phương thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Khi nào có nhiều hơn thì bà sẽ trả nhiều hơn chứ hiện tại bà không có khả năng. Tại biên

bản giao nhận Thông báo về phiên hòa giải (lần 2), bà H có trực tiếp ký nhận và viết thêm nội dung: “...lên ký giấy chấp nhận trả 1 tháng 1 triệu Chì lên....”.

Như vậy, bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H đã thừa nhận nghĩa vụ trả nợ và đề xuất phương thức trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ nguyên đơn yêu cầu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H phải trả số tiền 40.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với đơn phản tố đề ngày 03/01/2023 của bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H, qua nội dung đơn phản tố và ý kiến của bà H tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì đây là ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chứ không phải yêu cầu phản tố của bị đơn trong vụ án này nên Tòa án không yêu cầu bị đơn thực hiện thủ tục yêu cầu phản tố theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các điều 147, 227, 244, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C. Buộc bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị C số tiền vay là 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C về việc yêu cầu bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H trả số tiền nợ gốc 26.000.000 đồng (*hai mươi sáu triệu đồng*) và trả số tiền nợ lãi 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

3. Về án phí: Bị đơn bà Vũ Thị Mỹ H phải chịu 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Vũ Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.750.000 đồng (*hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004555 ngày 11-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Phát